

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2023/DS-ST

Ngày: 24/7/2023

“V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Ông Đinh Thành Công.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 191/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST-DS ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N - Phó Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản;

Địa chỉ: Lầu B, B L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại:

- Ông Huỳnh Cảnh K, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Lầu F, số A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trần Phương K1, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Lầu F, số A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:*

- Ông Mai Văn V, sinh năm 1986 (vắng mặt);
 - Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1998 (vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trần Phương K1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:

Ngày 28/10/2021, ông Mai Văn V, bà Lê Thị Hồng H và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh T (P) ký kết Hợp đồng cho vay số 353/2021/HĐTD/PVB-CN.TG cùng Khế ước nhận nợ: thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng mua xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO số loại TOWNER990 màu xanh số chỗ ngồi 02, xe mới 100%, số tiền thực tế giải ngân 163.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, ông V và bà H đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Từ tháng 5/2022 đến nay bị đơn không trả vốn, lãi cho ngân hàng. P đã gửi nhiều thông báo, công văn và làm việc trực tiếp yêu cầu ông V và bà H trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho P xử lý theo đúng quy định nhưng ông, bà đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, ông V và bà H chỉ trả cho P số tiền cụ thể như sau: Thanh toán nợ gốc 16.304.579 đồng, thanh toán nợ lãi 7.128.963 đồng, tổng cộng 23.433.542 đồng. Dư nợ tính đến ngày 24/7/2023 là 171.905.200 đồng, bao gồm 146.695.421 đồng nợ gốc và 25.209.779 đồng nợ lãi (trong đó lãi trong hạn 20.015.265 đồng, lãi quá hạn 4.081.367 đồng, lãi chậm trả 1.113.147 đồng).

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông V và bà H đã ký Hợp đồng thế chấp xe số 353/2021/HĐBĐ/PVB-CN.TG ngày 28/10/2021 để thế chấp tài sản là xe ô tô tải (có mui) hiệu THACO, số loại: TOWNER990, màu sơn: xanh, chỗ ngồi: 02, xe mới 100%, số khung RNHA22TJAMT040001, số máy K14BAM00117915, biển số xe 63H-012.14. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63003531 do Phòng C - Công an tỉnh T cấp ngày 26/10/2021. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/10/2021.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện ông Mai Văn V và bà Lê Thị Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Mai Văn V và bà Lê Thị Hồng H liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 171.905.200 đồng, bao gồm 146.695.421 đồng nợ gốc và 25.209.779 đồng nợ lãi (lãi tính đến ngày 24/7/2023).

- Ông Mai Văn V và bà Lê Thị Hồng H phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 25/7/2023 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng vay

số 353/2021/HĐTD/PVB-CNTG ngày 28/10/2021 cho đến khi ông V, bà H thanh toán xong khoản nợ.

- Nếu ông Mai Văn V và bà Lê Thị Hồng H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lỗi phát sinh thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 353/2021/HĐBD/PVB-CNTG ngày 28/10/2021.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông V, bà H đối với P, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V, bà H vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P.

- Bị đơn ông Mai Văn V, bà Lê Thị Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa, ông Trần Phương K1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc ông V và bà H có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông V, bà H trả số tiền tính đến ngày 24/7/2023 là 171.905.200 đồng theo hợp đồng vay đã ký kết nhằm mục đích mua xe ô tô tải nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông V, bà H có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông V, bà H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V, bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông V, bà H đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ hợp đồng cho vay số 353/2021/HĐTD/PVB-CN.TG và Khế ước nhận nợ cùng ngày 28/10/2021 với số tiền giải ngân là 163.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký kết với ngân hàng. Tổng số nợ tính đến ngày 24/7/2023 là 171.905.200 đồng, bao gồm 146.695.421 đồng nợ gốc và 25.209.779 đồng nợ lãi (trong đó lãi trong hạn 20.015.265 đồng, lãi quá hạn 4.081.367 đồng, lãi chậm trả 1.113.147 đồng).

Như vậy ông V, bà H đã không thanh toán đúng hạn các kỳ trả nợ cho ngân hàng theo định kỳ trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ với ngân hàng. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông V, bà H đã được ngân hàng Đ1, nhắc nhở nhiều lần thể hiện tại Thông báo số 2193/TB-QL&TCTTS.TNB ngày 14/11/2022, Thông báo số 2417/TB-QL&TCTTS.TNB ngày 08/12/2022, Thông báo số 2518/TB-QL&TCTTS.TNB ngày 20/12/2022, Thông báo số 143/TB-QL&TCTTS.TNB ngày 09/02/2023, Biên bản làm việc ngày 26/01/2022 và Biên bản làm việc 27/4/2022 nhưng ông V, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ.

Như vậy có căn cứ xác định ông V, bà H đã vi phạm hợp đồng, là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông V, bà H phải trả tổng số tiền tính đến ngày 24/7/2023 là 171.905.200 đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 24/7/2023 theo hợp đồng vay đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ.

Đối với ông V, bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về vụ án, không có ý kiến phản đối gì đối với những tài liệu, chứng cứ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của đương sự, đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

[4] Xét tài sản thế chấp là xe ô tô tải, thấy: Hợp đồng thế chấp xe số 353/2021/HĐBĐ/PVB-CN.TG ngày 28/10/2021 để thế chấp tài sản là xe ô tô tải (có mui) hiệu THACO, số loại: TOWNER990, màu sơn: xanh, chỗ ngồi: 02, xe mới 100%, số khung RNHA22TJAMT040001, số máy K14BAM00117915, biển số xe 63H-012.14 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63003531 do Phòng C - Công an tỉnh T cấp ngày 26/10/2021. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/10/2021 là hợp pháp, có giá trị thực hiện. Trường hợp ông V, bà H không thanh

toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng theo quy định tại các Điều 299, 317, 318 và 323 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông V, bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 299, 317, 318, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Mai Văn V và bà Lê Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 171.905.200 đồng, bao gồm 146.695.421 đồng tiền nợ gốc và 25.209.779 đồng tiền lãi, tiền lãi tính đến ngày 24/7/2023 (lãi trong hạn 20.015.265 đồng, lãi quá hạn 4.081.367 đồng và lãi chậm trả 1.113.147 đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25/7/2023, ông Mai Văn V, bà Lê Thị Hồng H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 353/2021/HĐTD/PVB-CN.TG và Khế ước nhận nợ cùng ngày 28/10/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Mai Văn V, bà Lê Thị Hồng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) hiệu THACO, số loại: TOWNER990, màu sơn: xanh, chỗ ngồi: 02, xe mới 100%, số khung RNHA22TJAMT040001, số máy K14BAM00117915, biển số xe 63H-012.14 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63003531 do Phòng C - Công an tỉnh T cấp ngày 26/10/2021 để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông V, bà H đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V, bà H vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ xóa thế chấp và trả lại cho bên thế chấp bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 63003531 do Phòng C - Công an tỉnh T cấp ngày 26/10/2021 khi ông Mai Văn V, bà Lê Thị Hồng H thanh toán xong nợ.

3. Về án phí:

- Ông Mai Văn V, bà Lê Thị Hồng H phải liên đới chịu 8.595.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 4.052.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017548 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Mai Văn V, bà Lê Thị Hồng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang

